

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2024/HS-ST
Ngày: 13/12/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Phương Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Khuru Liên Dung
- Bà Sơn Thị Kim Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồng Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Hồ Hải Đăng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 123/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu đối với bị cáo:

Họ và tên: Tô Văn T, sinh năm 1987, tại Bạc Liêu; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Ấp C, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông Tô Văn T1, sinh năm 1962 và bà Lê Thị X, sinh năm 1963; A, chị, em ruột: 03 người, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1993; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị khởi tố bị can ngày 09/3/2021 và được tại ngoại điều tra cho đến nay.

*** Bị hại:**

1- Anh Phùng Vũ P, sinh ngày 02/12/1983. Nơi cư trú: 114A, Võ Thị S, Khóm F, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2- Ông Dương Thành N, sinh ngày 02/9/1977. Nơi cư trú: Số A, H, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

3- Ông Lê Khải H, sinh ngày 15/5/1975. Nơi cư trú: Số C, V, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

4- Bà Tạ Mỹ H1, sinh ngày 19/6/1971. Nơi cư trú: Số A, T, Phường G, thành

phố B, tỉnh Bạc Liêu.

5- Anh Trần Anh V, sinh ngày 09/11/1983. Nơi cư trú: Số A, Hòa Bình, Khóm D, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

6- Anh Trần Minh T2, sinh ngày 11/01/1986. Nơi cư trú: Số B, Đ, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

7- Trần Mộng K, sinh ngày 08/8/1993. Nơi cư trú: Số C,V, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

8- Bà Trần Thị Hồng C, sinh ngày 23/4/1969. Nơi cư trú: 020, Đ, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

9- Ông Âu Văn T3, sinh ngày 01/01/1962. Nơi cư trú: Khóm F, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

10- Huỳnh Anh T4, sinh ngày 08/01/1965. Nơi cư trú: Số B, Hòa Bình, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

11- Lê Thanh T5, sinh ngày 19/11/1988. Nơi cư trú: Khóm B, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

12- Chị Lê Thị Lan P1, sinh ngày 02/8/1977. Nơi cư trú: Số A, Khóm B, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

13- Ông Nguyễn Minh K1, sinh ngày 18/8/1974. Nơi cư trú: Số C, Khóm D, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

14- Ông Nguyễn Văn T6, sinh ngày 20/8/1974. Nơi cư trú: Số A,Võ Thị S, Khóm D, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

15- Anh Phan Hải P2, sinh ngày 03/11/1976. Nơi cư trú: Số C, T, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

16- Chị Phan Thùy D, sinh ngày 19/9/1991. Nơi cư trú: Số C,Võ Thị S, Khóm D, Phường G, tỉnh Bạc Liêu.

17- Bà Trần Lệ T7, sinh ngày 01/12/1960. Nơi cư trú: Khóm B, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

18- Bà Trang Hạ Q, sinh ngày 06/12/1975. Nơi cư trú: Số G, T, phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

19- Chị Châu Ái D1, sinh ngày 23/11/1985. Nơi cư trú: Số B, đường L, Khóm C, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

20- Anh Nguyễn Hồng P3, sinh ngày 12/6/1978. Nơi cư trú: Khóm A, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

21- Anh Huỳnh Đăng K2, sinh ngày 29/5/1985. Nơi cư trú: Số B, Khóm B, Phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

22- Anh Trương Hoàng M, sinh ngày 19/4/1979. Nơi cư trú: Số A, đường B, Khóm B, Phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

23- Chị Lâm Thị Tuyết M1, sinh ngày 05/9/1978. Nơi cư trú: Số A, đường Tỉnh lộ 38, Khóm G, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

24- Anh Nguyễn Minh T8, sinh ngày 26/8/1987. Nơi cư trú: Số A, Thị trấn A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

25- Công ty TNHH MTV V1; Địa chỉ: Số B, Khóm C, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; Đại diện theo pháp luật: Dương Quốc Thái

26- Châu Lan Anh, sinh ngày 16/11/1987. Nơi cư trú: Số 140C/8, đường Trần Phú, Phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

27- Ông Phạm Hữu L, sinh ngày 18/3/1973. Nơi cư trú: Số 32/2, đường Hòa Bình, Phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

28- Công ty TNHH MTV C1; Địa chỉ: Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn S1.

29- Nguyễn Ngọc L1, sinh ngày 13/7/1982. Nơi cư trú: Phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

30- Anh Phan Tứ H2 (D3). Địa chỉ: Số 138/7, đường Hòa Bình, Khóm 6, Phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

31- Anh Phan Hữu P4 (A Phan Tứ H2 nộp tiền thay). Địa chỉ: Số 138/7, đường Hòa Bình, Khóm 6, Phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

32- Ông Trang Minh T9, sinh ngày 04/8/1968 (Quán H5). Địa chỉ: Số B, đường T, Khóm A, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

33- Chị Huỳnh Thị Mộng N1, sinh ngày 09/10/1986. Nơi cư trú: Số 57, Võ Thị Sáu, Phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

34- Anh Trịnh Hoàng H3, sinh ngày 01/01/1976. Nơi cư trú: Số A, Khóm C, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

35- Anh Trần Nhựt M2, sinh ngày 23/9/1980. Nơi cư trú: Số C, Khóm C, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

36- Anh Nguyễn Văn K3, sinh ngày 20/01/1992. Nơi cư trú: Số I, T, Khóm F, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

37- Bà Nguyễn Thị Đ, sinh ngày 10/10/1952. Nơi cư trú: Hẻm E, Khóm B, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

38- Anh Mai Hải D2, sinh ngày 07/5/1982. Nơi cư trú: Khóm D, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

39- Ông Mai Thanh N2, sinh ngày 18/6/1953. Nơi cư trú: hẻm E, Khóm B, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

40- Chị Đoàn Thị Ngọc T10, sinh ngày 13/10/1974. Nơi cư trú: Số I, Q, Khóm A, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

41- Công ty TNHH Một thành viên C1; Địa chỉ trụ sở chính: Ấp N, xã N, huyện

H, tỉnh Bạc Liêu; Người đại diện theo pháp luật: Huỳnh Thị Cẩm T11, chức vụ: Giám đốc; Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Hồng H4, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp V, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Mobifone tỉnh B; Địa chỉ: A, A Lô B, đường B, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; Người đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Thị Bích N3, chức vụ: Giám đốc.

(Bị cáo T có mặt tại phiên tòa; các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào tháng 10/2019 và tháng 6/2020, bị cáo Tô Văn T là nhân viên Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C1 đã 02 lần lợi dụng nhiệm vụ được giao thu cước điện thoại di động của khách hàng sử dụng mạng di động Mobifone trên địa bàn thành phố B nhưng không nộp về công ty theo quy định để chiếm đoạt số tiền là 147.924.831 đồng. **Ngoài ra, trong tháng 7/2020, mặc dù Công ty TNHH Một thành viên G không còn giao nhiệm vụ thu tiền cước điện thoại của khách hàng, không giao danh sách khách hàng nhưng bị cáo T vẫn tự ý ra phiếu thu không có dấu của công ty, sau đó lợi dụng danh nghĩa của công ty đi thu cước để chiếm đoạt số tiền 11.461.280 đồng/51 phiếu thu của 40 khách hàng.**

Tại Cáo trạng số 129/ CT-VKS-HS ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu đã truy tố bị cáo Tô Văn T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “*Tham ô tài sản*” theo quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa có quan điểm không thay đổi so với bản Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, cũng cần xem xét bị cáo thành khẩn khai báo, bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại, có người thân có công cách mạng. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Tô Văn T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Tham ô tài sản*”.

- Áp dụng điểm đ khoản 2, 5 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Tô Văn T mức án tù 09 tháng đến 01 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ công việc có liên quan từ 02 năm đến 03 năm.

- Áp dụng các điểm c, d khoản 2, 5, 6 Điều 353; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Tô Văn T mức án tù 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “*Tham ô tài sản*”. Hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ công việc có liên quan từ 02 năm đến 03 năm.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo chấp hành chung hình phạt 02 tội từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm 06 tháng tù.

Hình phạt bổ sung: Cấm đảm nhiệm chức vụ công việc có liên quan từ 02 năm đến 03 năm.

- Về vật chứng của vụ án: Đã xử lý xong nên không đề cập xử lý.
- Về trách nhiệm dân sự: Đã xử lý xong nên không đề cập giữa bị cáo và Công ty G. Còn các bị hại khác có quyền yêu cầu bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

* Tại phiên tòa bị cáo Tô Văn T cho rằng: Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bị cáo sai thì bị cáo chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa, quá trình tố tụng đã có đầy đủ lời khai, việc vắng mặt của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Tại phiên tòa và quá trình điều tra bị cáo Tô Văn T đều thừa nhận: Bị cáo Tô Văn T được Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C1 (gọi tắt là Công ty G) ký hợp đồng và phân công nhiệm vụ thu cước khách hàng ở địa bàn thành phố B, tỉnh Bạc Liêu theo ủy quyền thu cước điện thoại di động của khách hàng sử dụng mạng di động Mobifone trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu với Công ty G.

Công ty G quy định khi thu cước, nhân viên ghi phiếu thu có đóng dấu của Công ty G giao cho khách hàng, đồng thời nộp tiền về công ty vào 09 giờ sáng của ngày hôm sau để xóa cước hoặc chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng phải nộp đủ số tiền đã thu, nếu trùng ngày nghỉ (thứ bảy, chủ nhật) thì được nộp vào ngày kế tiếp liền kề (thứ hai). Lợi dụng Công ty G không bắt buộc nộp tiền cước ngay và khách hàng sử dụng dịch vụ mạng M3 từng trả tiền cước trước đó. Trong tháng 10/2019, bị cáo T thu cước của 612 khách hàng sử dụng điện thoại di động mạng Mobifone (thu tiền cước tháng 9/2019) với tổng số tiền là 81.408.378 đồng. Đến ngày 31/10/2019, bị cáo T nộp về công ty số tiền 19.068.378 đồng, còn lại 62.340.000 đồng chi xài cá nhân. Sau khi phát hiện sự việc, Công ty G đã nhiều lần yêu cầu T

nộp tiền đã chiếm đoạt, buộc viết tờ cam kết. Vào các ngày 08/11/2019 và ngày 30/11/2019, bị cáo T đã trả xong khoản tiền này.

Trong tháng 06/2020, bị cáo T thu cước của 714 khách hàng sử dụng điện thoại di động mạng Mobifone (thu tiền cước tháng 5/2020) với tổng số tiền là 95.764.457 đồng, đến ngày 30/6/2020 bị cáo T chỉ nộp về Công ty số tiền 10.179.626 đồng, còn lại số tiền 85.584.831 đồng bị cáo T sử dụng vào mục đích cá nhân. Công ty G đã làm việc với bị cáo T và yêu cầu thanh toán tiền thu cước còn nợ, đồng thời lấy lại các phiếu thu. Ngày 01/7/2020, Công ty G đã ra quyết định cho thôi việc; ngày 02/7/2020, bị cáo T nộp khắc phục cho Công ty G 15.000.000 đồng.

Bị cáo Tô Văn T cho rằng: Bị cáo đã mượn tiền của anh Ngô Hồng H4 trả cho Công ty X1 nên không thừa nhận hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo T đã có hành vi chiếm đoạt tiền của Công ty G, khi bị phát hiện bị cáo mới nộp tiền khắc phục hậu quả, hành vi của bị cáo đã thực hiện hoàn thành nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi do bị cáo thực hiện.

Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi của bị cáo Tô Văn T nêu trên đã cấu thành tội “*Tham ô tài sản*”, theo quy định tại Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Từ ngày 01/7/2020, bị cáo Tô Văn T đã bị cho thôi việc, Công ty G đã thu lại các phiếu thu có đóng dấu treo, bị cáo T đã biết không còn được giao đi thu tiền khách hàng, nhưng bị cáo T đã mua các phiếu thu bên ngoài để thu tiền cước tháng 6/2020 đối với 51 phiếu thu của 40 khách hàng với tổng số tiền là 11.461.280 đồng, không nộp về công ty mà chi xài cá nhân.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[4] Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có liên quan, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Vì động cơ vụ lợi, vào tháng 10/2019 và tháng 6/2020, bị cáo Tô Văn T là nhân viên Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C1 đã 02 lần lợi dụng nhiệm vụ được giao thu cước điện thoại di động của khách hàng sử dụng mạng di động Mobifone trên địa bàn thành phố B nhưng không nộp về công ty theo quy định để chiếm đoạt số tiền là 147.924.831 đồng, nên hành vi của bị cáo Tô Văn T đã bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu truy tố về tội “*Tham ô tài sản*”, theo quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

Ngoài ra, trong tháng 7/2020, Công ty G không còn giao nhiệm vụ thu tiền cước điện thoại của khách hàng, không giao danh sách khách hàng nhưng bị cáo T đã mua các phiếu thu bên ngoài, không có dấu của công ty, sau đó lợi dụng danh nghĩa của công ty đi thu cước để chiếm đoạt số tiền 11.461.280 đồng/51 phiếu thu của 40 khách hàng là anh Phùng Vũ P, ông Dương Thành N, ông Lê Khải H, bà Tạ Mỹ H1, anh Trần Anh V, anh Trần Minh T2, Trần Mộng K, bà Trần Thị Hồng C, ông Âu Văn T3, Huỳnh Anh T4, Lê Thanh T5, chị Lê Thị Lan P1, ông Nguyễn Minh K1, ông

Nguyễn Văn T6, bà Trần Lệ T7, bà Trang Hạ Q, chị Châu Ái D1, anh Nguyễn Hồng P3, anh Huỳnh Đăng K2, anh Trương Hoàng M, chị Lâm Thị Tuyết M1, anh Nguyễn Minh T8, Công ty TNHH MTV V1, C, ông Phạm Hữu L, Công ty TNHH MTV C1, Nguyễn Ngọc L1, anh Phan Tứ H2 (D3), anh Phan Hữu P4, ông Trang Minh T9, chị Huỳnh Thị Mộng N1, anh Trịnh Hoàng H3, anh Trần Nhựt M2, anh Nguyễn Văn K3, bà Nguyễn Thị Đ, anh Mai Hải D2, ông Mai Thanh N2, chị Đoàn Thị Ngọc T10; nên hành vi của bị cáo Tô Văn T đã bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu truy tố về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

[5] *Xét tính chất, hành vi phạm tội*: Bị cáo Tô Văn T là người đã thành niên, có đủ năng lực hành vi và đủ khả năng nhận thức rõ hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, nhưng với bản chất xem thường pháp luật bị cáo T đã thực hiện 02 lần hành vi tham ô tài sản và lợi dụng danh nghĩa công ty, sử dụng hoá đơn chứng từ giả để thu cước điện thoại. Bị cáo thực hiện với lỗi cố ý do chính bị cáo thực hiện nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do chính hành vi của bị cáo.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì tư lợi cá nhân mà bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, làm giảm sút niềm tin và gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp, gây mất an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Do đó cần có mức án tù tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] *Xét tình tiết giảm nhẹ*: Trong quá trình điều tra và tại phiên Tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả, có ông nội, bà nội và bác ruột là người có công với cách mạng, nên khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định Bộ luật Hình sự, bồi thường, khắc phục hậu quả toàn bộ, Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt nhẹ hơn mức hình phạt điều khoản quy định, thể hiện khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

[7] *Về hình phạt bổ sung*: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo cấm đảm nhiệm chức vụ, công việc liên quan từ 02 năm đến 03 năm. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo chỉ là nhân viên hợp đồng thu cước điện thoại của khách hàng và đã khắc phục toàn bộ số tiền nên không cần thiết buộc bị cáo chấp hành hình phạt bổ sung.

[8] *Về vật chứng trong vụ án*: ngày 10/9/2020, bà Lê Diễm M4 đại diện theo ủy quyền của Công ty G đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B giao nộp nhiều tài liệu, sổ sách liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Tô Văn T đã được lưu vào hồ sơ vụ án là phù hợp.

[9] *Về trách nhiệm dân sự*:

Ngày 22/02/2021 và ngày 17/11/2021, bị cáo Tô Văn T nộp 37.600.000 đồng khắc phục hậu quả, Cơ quan điều tra đã giao trả cho Công ty G. Đến tháng 12/2023, bị cáo Tô Văn T đến Công ty G nộp khắc phục số tiền 19.608.388 đồng.

Công ty G đã thanh toán tiền để xóa nợ cước điện thoại di động mạng Mobifone tháng 6/2020 đối với 51 phiếu thu của 40 khách hàng, đồng thời giữa công ty và bị cáo Tô Văn T đã thỏa thuận bồi thường xong đối với toàn bộ số tiền chiếm đoạt trên. Hiện nay, Công ty G và 40 khách hàng bị chiếm đoạt tiền cước không yêu cầu gì khác. Nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[10] *Về án phí*: Bị cáo Tô Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Tô Văn T phạm các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Tham ô tài sản*”.

Áp dụng điểm đ khoản 2, 5 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Tô Văn T 01 (Một) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng điểm c, d khoản 2, 6 Điều 353; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Tô Văn T 05 (Năm) năm tù về tội tham ô tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo Tô Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 06 (S) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Tô Văn T phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

Án xử sơ thẩm, bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thành phố Bạc Liêu;
- CQ Điều tra thành phố Bạc Liêu;

- Chi Cục THA.DS thành phố Bạc Liêu;
- Bị cáo; Bị hại; Người CQLNVLQ;
- Lưu.

Võ Phương Bình